

Quản lý và sử dụng đất trong các công ty lâm nghiệp

Cơ hội và thách thức trong bối cảnh hội nhập thị trường và biến đổi khí hậu

Tô Xuân Phúc, Tổ chức Forest Trends

1. Lịch sử hình thành và phát triển các công ty lâm nghiệp.

Kể từ khi thành lập từ những năm 1960 đến nay các lâm trường quốc doanh (nay là công ty lâm nghiệp) đã trải qua nhiều lần thay đổi với các thay đổi này gắn liền với bối cảnh kinh tế xã hội của đất nước. Trong những năm 1960-1970 là thời kỳ đầu thành lập các lâm trường được giao nhiệm vụ cơ bản là khai thác và vệ rừng. Bên cạnh đó các lâm trường còn có chức năng giúp ổn định đời sống cho đồng bào ở những vùng sâu vùng xa là nơi lâm trường hoạt động. Trong những năm 1980 đất nước bước vào giai đoạn tái thiết sau chiến tranh, các lâm trường tập trung vào khai thác gỗ phục vụ các công trình xây dựng và chuyển đổi rừng sang đất canh tác nhằm hình thành các vùng kinh tế mới tại miền núi. Giai đoạn cao điểm số lượng lâm trường đạt con số 413¹ và lượng khai thác gỗ trên 1 triệu m³/năm. Khai thác rừng (gỗ, khai hoang đất) để phát triển kinh tế là nhiệm vụ chủ đạo lâm trường giai đoạn này.

Chức năng và hệ thống tổ chức của các lâm trường có sự thay đổi căn bản bắt đầu từ những năm 1990. Vào cuối những năm 1980, sau quá trình bị khai thác quá mức, tài nguyên rừng bị cạn kiệt. Tại nhiều nơi các diện tích rừng trở thành đất trống, đồi trọc. Suy thoái tài nguyên rừng đã khiến một số tổ chức Quốc tế và các nhà khoa học đưa ra các cảnh báo đỏ về tác động tiêu cực của tình trạng này đến môi trường và sinh kế các cộng đồng. Để khắc phục tình trạng này, Chính phủ chuyển hướng ưu tiên từ trọng tâm khai thác sang bảo vệ: Chính phủ cắt giảm quy mô khai thác gỗ; chuyển một số diện tích rừng tự nhiên thành các khu bảo tồn; thực hiện nhiều hoạt động phát triển và bảo vệ rừng quy mô lớn. Các chương trình trồng và bảo vệ rừng như Chương trình PAM, Chương trình 327 (sau này là 661) đã được thực hiện ở tất cả các địa phương có rừng trên cả nước.²³ Hộ gia đình được giao hoặc/và khoán đất để trồng rừng, đổi lại bằng lương thực hoặc bằng tiền. Đất được giao và khoán cho hộ với thời hạn dài (50 năm) để tạo động lực cho hộ gắn kết dài hạn với đất đai và khuyến khích hộ thực hiện đầu tư vào trồng rừng, phủ xanh đất trống đồi trọc. Đảng và Chính phủ đã ban hành nhiều chính sách lớn nhằm tổ chức lại các hệ thống lâm trường để phù hợp và hiệu quả hơn với tình hình phát triển của đất nước. Điển hình của các chính sách này bao gồm Nghị Quyết 28/NQ-TW năm 2003⁴ và Nghị quyết 30-NQ/TW năm 2014⁵ của Bộ chính trị về sắp xếp, đổi mới nâng cao hiệu quả của các lâm trường. Nghị định 01-CP (năm 1995)

¹ Báo cáo 135/BC-BTNMT Báo cáo việc thực hiện Chỉ thị số 11/CT-TTg ngày 04 tháng 4 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ.

² Quyết định 327-CT chủ trương sử dụng đất trống, đồi núi trọc, rừng, bãi bồi ven biển và mặt nước

³ Quyết định 661/QĐ-TTg mục tiêu, nhiệm vụ, chính sách và tổ chức thực hiện Dự án trồng mới 5 triệu ha rừng

⁴ Nghị quyết 28-NQ/TW tiếp tục sắp xếp, đổi mới và phát triển nông, lâm trường quốc doanh

⁵ Nghị quyết số 30-NQ/TW sắp xếp đổi mới phát triển nâng cao hiệu quả công ty nông lâm nghiệp 2014

quy định về việc giao khoán đất để sản xuất nông lâm nghiệp⁶, Nghị định 135/2005/NĐ-CP (năm 2005)⁷ và gần đây nhất là Nghị định 168/2016/NĐ-CP (2016) về khoán rừng được ban hành nhằm cụ thể hóa các hình thức khoán đất cho hộ tại các lâm trường. Đến nay hầu hết các công ty lâm nghiệp đã thay đổi về hình thức tổ chức và hoạt động. Một số công ty hoạt động không hiệu quả đã bị giải thể. Nhiều diện tích đất trước đây được quản lý bởi lâm trường đã được giao trả về các địa phương sau đó giao lại cho các hộ. Theo số liệu của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường), hiện cả nước còn lại 163 công ty lâm nghiệp đang quản lý 1,78 triệu ha rừng chiếm 12% trong tổng diện tích rừng của cả nước.⁸ Số diện tích này bao gồm 1,16 triệu ha rừng tự nhiên và 626.000 ha rừng trồng. Một diện tích trong số này được khoán cho các hộ. Các diện tích còn lại các công ty tự tổ chức quản lý.

Quản lý sử dụng đất đai tại các công ty lâm nghiệp hiện đang còn một số tồn tại. Kết luận 103-KL/TW ngày 02/12/2024 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 30-NQ/TW ngày 12/3/2014 của Bộ Chính trị về tiếp tục sắp xếp, đổi mới và phát triển, nâng cao hiệu quả hoạt động của công ty nông, lâm nghiệp⁹ nêu rõ: *“Việc quản lý, sử dụng đất có nguồn gốc nông, lâm trường, còn yếu kém, lỏng lẻo, tùy tiện... số liệu thống kê không thực chất và không phản ánh được thực tế... Tình trạng sử dụng quỹ đất được Nhà nước giao để cho thuê, cho mượn, khoán trắng, liên doanh liên kết không đúng quy định vẫn diễn ra phổ biến. Việc lấn chiếm đất đai mua bán hợp đồng giao khoán... mua đi bán lại nhiều lần ... chưa được khắc phục và tăng ở nhiều nơi.”* Các tồn tại cho thấy sự hạn chế trong quản lý và sử dụng đất tại các công ty lâm nghiệp hiện nay.

Việt Nam đang hội nhập sâu rộng với thế giới và điều này có ý nghĩa rất lớn đối với việc quản lý và sử dụng đất tại các công ty lâm nghiệp. Hầu hết các hàng hóa nông lâm sản hiện nay của Việt Nam như cà phê, cao su, gỗ... được sản xuất phục vụ xuất khẩu. Nhằm giảm tác động tiêu cực của biến đổi khí hậu do mất rừng gây ra, các thị trường lớn như EU, Mỹ, Anh đang ngày càng có những quy định chặt chẽ hơn đối với các sản phẩm nhập khẩu vào các thị trường này. Ví dụ, Quy định chống mất rừng của EU (EUDR) ban hành năm 2023 và bắt đầu thực thi đầu năm 2026 quy định các mặt hàng nông lâm sản chỉ được phép nhập khẩu vào thị trường này nếu quá trình sản xuất các mặt hàng này không gây mất rừng.¹⁰ Tại Việt Nam, một số mặt hàng như cà phê, gỗ, tiêu... đang được trồng trên các diện tích đất của các công ty lâm nghiệp; một phần trong số đó có nguy cơ không đáp ứng được một số yêu cầu về của Nhà nước về sử dụng đất, ví dụ về các quy định khoán, đất lấn chiếm... và có

⁶ [Nghị định 01/CP ban quy định việc giao khoán đất sử dụng vào mục đích sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản trong doanh nghiệp nhà nước](#)

⁷ [Nghị định 135/2005/NĐ-CP giao khoán đất nông nghiệp rừng sản xuất có mặt nước nuôi trồng thủy sản trong nông lâm trường quốc doanh](#)

⁸ [Quyết định 816/QĐ-BNN-KL năm 2024 công bố hiện trạng rừng toàn quốc năm 2023 do Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành](#)

⁹ [Kết luận số 103-KL/TW ngày 02/12/2024 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 30-NQ/TW, ngày 12/3/2014 của Bộ Chính trị về tiếp tục sắp xếp, đổi mới và phát triển, nâng cao hiệu quả hoạt động của công ty nông, lâm nghiệp | Hệ thống văn bản](#)

¹⁰ Bảy mặt hàng chịu sự giám sát của EUDR bao gồm cà phê, gỗ, cao su, dầu cọ, cacao, và thịt bò.

thể sẽ không đáp ứng được các quy định không gây mất rừng của thị trường xuất khẩu. Đây sẽ là các thách thức lớn cho một số mặt hàng được sản xuất trên đất lâm nghiệp hiện nay.

Hội nhập cũng có tiềm năng tạo ra cơ hội lớn ngành lâm nghiệp nói chung và các công ty lâm nghiệp nói riêng thông qua sự vận hành của thị trường carbon rừng. Chính phủ đang xây dựng các cơ chế, chính sách và chuẩn bị nền tảng cho hoạt động của thị trường. Ngày 20/01/2025 Chính phủ phê duyệt Đề án thành lập và phát triển thị trường carbon tại Việt Nam.¹¹ Đề án tạo nền tảng cho sự hình thành thị trường về tín chỉ carbon rừng trong tương lai. Ngành lâm nghiệp, trong đó có các công ty lâm nghiệp, đang đứng trước cơ hội lớn trong việc huy động được nguồn tài chính mới nhằm bảo vệ và phát triển rừng. Tuy nhiên để cơ hội này trở thành thực tế các tồn tại trong quản lý và sử dụng đất tại các công ty lâm nghiệp cần phải giải quyết một cách thấu đáo.

Bài viết này tập trung vào khía cạnh quản lý sử dụng đất của các công ty lâm nghiệp trong bối cảnh ngành lâm nghiệp đang hội nhập. Bài viết trọng tâm vào các câu hỏi: *Thực trạng quản lý và sử dụng đất rừng tại các công ty lâm nghiệp hiện nay như thế nào? Các vấn đề tồn tại chính trong việc sử dụng đất tại các công ty này là gì? Nguyên nhân của các tồn tại này là do đâu? Trong bối cảnh ngành lâm nghiệp hội, các cơ chế, chính sách của Nhà nước cần thay đổi theo hướng nào để nâng cao hiệu quả sử dụng đất tại các lâm trường này, góp phần cải thiện sinh kế của các cộng đồng sống dựa vào rừng, bao gồm các hộ nhận khoán?* Trước khi đi sâu vào các câu hỏi này, Phần 2 dưới đây cung cấp một số thông tin cơ bản về thực trạng quản lý và sử dụng rừng của Việt Nam.

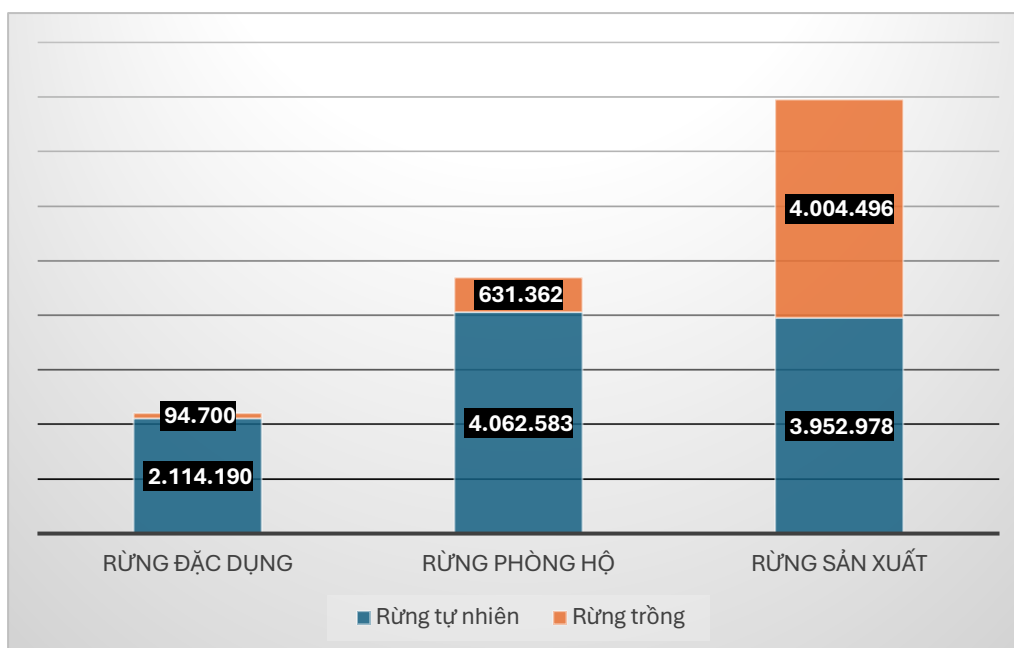
2. Quản lý và sử dụng tài nguyên rừng tại Việt Nam

Theo Bộ Nông nghiệp và Môi trường (NN và MT)¹² cho thấy tính đến hết 2023 Việt Nam có khoảng 14,86 triệu ha rừng, với 68% trong số đó là rừng tự nhiên, còn lại (32%) là rừng trồng. Theo chức năng, các diện tích rừng này được chia thành 3 loại – rừng đặc dụng (RĐD), rừng phòng hộ (RPH) và rừng sản xuất (RSX). Diện tích RĐD, RPH và RSX chiếm lần lượt là 14,9% (tương đương 2,2 triệu ha), 31,6% (gần 4,7 triệu ha) và 53,5% (7,96 triệu ha) trong tổng diện tích rừng cả nước. Trong RSX, RPH và RĐD đều có cả rừng tự nhiên và rừng trồng (Hình 1).

Hình 1. Diện tích ba loại rừng theo chức năng và nguồn gốc, 2023 (ha)

¹¹ Quyết định 232/QĐ-TTg 2025 phê duyệt Đề án phát triển thị trường các-bon tại Việt Nam

¹² Quyết định 816/QĐ-BNN-KL năm 2024 công bố hiện trạng rừng toàn quốc năm 2023 do Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành



Nguồn: Quyết định 816/QĐ-BNN-KL ngày 20/3/2024 của Bộ NN và MT

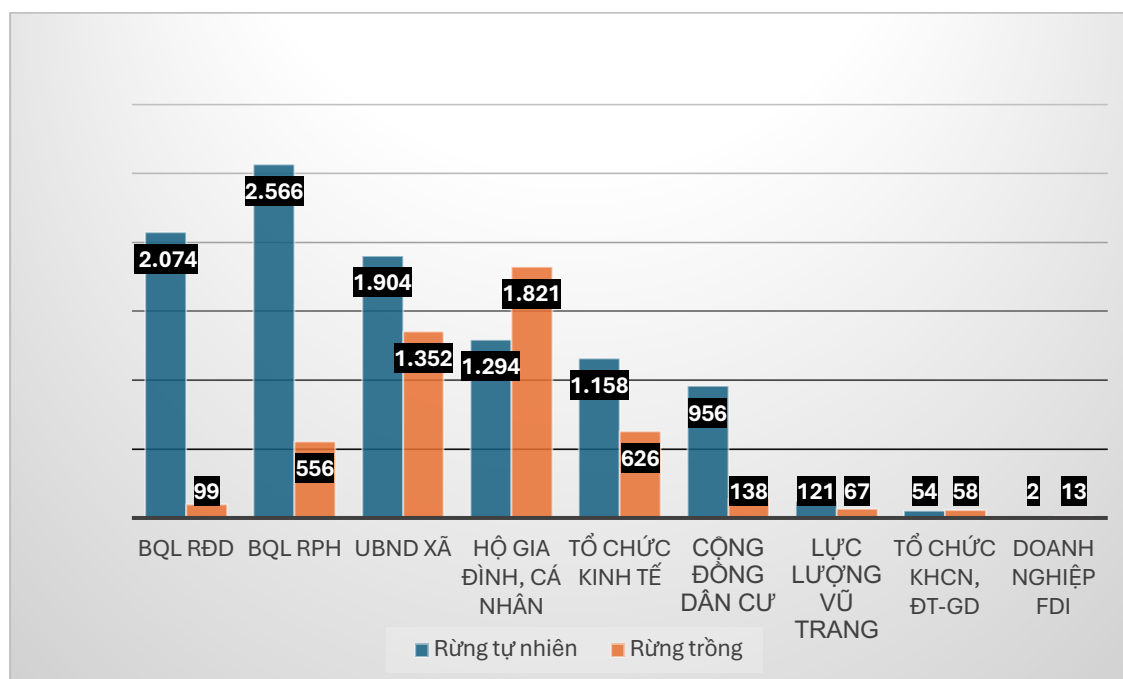
Luật Lâm nghiệp năm 2017 quy định 7 nhóm chủ rừng khác nhau. Đây là các nhóm được Nhà nước giao quản lý và sử dụng (tùy theo loại hình và chức năng rừng) các diện tích rừng trên cả nước.¹³ Các nhóm chủ rừng đang nắm giữ diện tích lớn nhất bao gồm (1) Ban quản lý (BQL) RPH và RĐD (36% trong tổng diện tích rừng), (2) Hộ gia đình, cá nhân (21%), (3) Tổ chức kinh tế (chủ yếu là các công ty lâm nghiệp) (12%), và (4) Cộng đồng dân cư (7%). Mặc dù Ủy Ban Nhân Dân (UBND) xã không phải nằm trong nhóm chủ rừng, hiện UBND xã đang quản lý gần 3,25 triệu ha rừng, tương đương 22% trong tổng diện tích rừng của cả nước.

Hầu hết các diện tích rừng được giao cho các BQL RĐD và BQL RPH là rừng tự nhiên (tương ứng với các mức 95% và 82% trong tổng số diện tích rừng giao cho các BQL này; phần còn lại (5% và 18%) là rừng trồng. Báo cáo của Bộ Tài nguyên và Môi trường (nay là Bộ NN và MT) cho thấy năm 2023 cho thấy tổng số có 45 BQL RĐD và 223 RPH; ngoài ra còn có 28 Vườn quốc gia (VQG).¹⁴ Điều này cho thấy vai trò chính của các BQL là quản lý và bảo vệ rừng tự nhiên. Hộ gia đình và cá nhân được giao 3,1 triệu ha rừng, trong đó 58% là diện tích rừng trồng, còn lại (42%) là rừng tự nhiên. Hai nhóm còn lại bao gồm UBND xã và các công ty lâm nghiệp là các nhóm được giao nhiều diện tích rừng, với tỷ lệ diện tích rừng tự nhiên /rừng trồng của 2 nhóm này lần lượt là 58/42% và 65/35%. Hình 2 chỉ ra các con số diện tích rừng tự nhiên (RTN) và rừng trồng (RT) theo các nhóm chủ rừng khác nhau. Phụ lục 1 chỉ ra các con số diện tích rừng của các nhóm chủ rừng theo loại rừng (RTN, RT).

¹³ Luật lâm nghiệp 2017 số 16/2017/QH14 áp dụng 2025 mới nhất. Bảy nhóm chủ rừng này bao gồm (1) BQL RPH, RĐD, (2) Tổ chức kinh tế (chủ yếu là các lâm trường), (3) Đơn vị lực lượng vũ trang, (4) Tổ chức khoa học công nghệ, (5) Hộ gia đình, cá nhân, (6) Cộng đồng dân cư và (7) Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (FDI).

¹⁴ Bộ Tài Nguyên và Môi trường. Báo cáo số 135/BC-BTNMT ngày 28/09/2023 Báo cáo Việc thực hiện Chỉ thị 11/CT-TTg ngày 04/4/2016 của Thủ tướng chính phủ.

Hình 2. Diện tích rừng theo các nhóm chủ rừng và loại rừng (nghìn ha)



Nguồn: Quyết định 816/QĐ-BNN-KL ngày 20/3/2024 của Bộ NN và MT

Chính phủ đang thực hiện lệnh đóng cửa rừng (cấm khai thác gỗ) trên toàn bộ các diện tích rừng tự nhiên trong cả nước. Điều này có nghĩa toàn bộ các diện tích rừng tự nhiên, bao gồm các diện tích hiện đang được quản lý bởi các nhóm chủ rừng khác nhau (Hình 2), là UBND xã (1,9 triệu ha), hộ gia đình (1,29 triệu), công ty lâm nghiệp (1,2 triệu) và cộng đồng (0,96 triệu) có mục tiêu để bảo vệ chứ không phải mục tiêu kinh tế. Phần 3 dưới đây sẽ đi sâu vào thực trạng quản lý và sử dụng rừng, đất rừng của các công ty lâm nghiệp.

3. Quản lý và sử dụng đất trong các công ty lâm nghiệp.

3.1. Một số nét chung

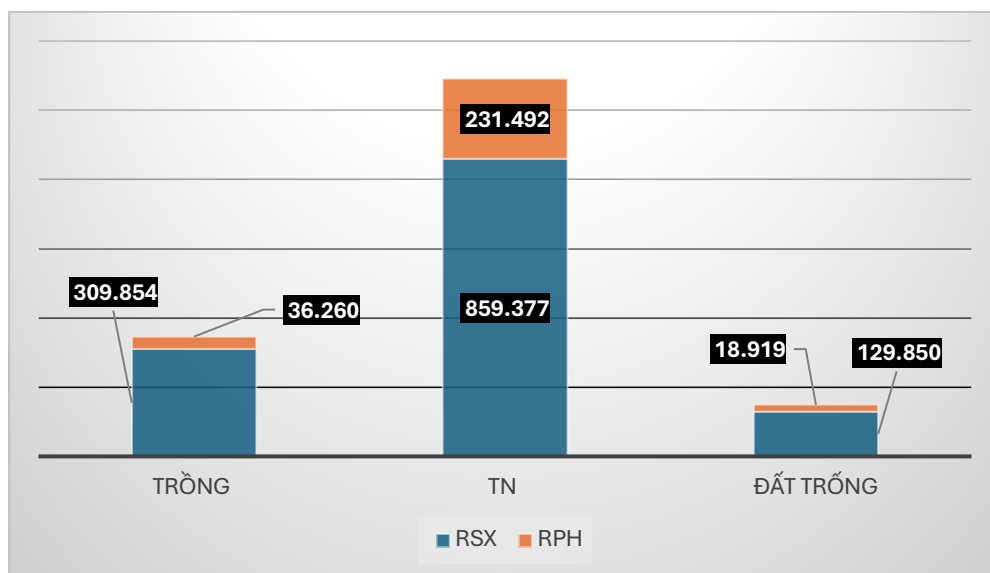
Số liệu về các diện tích đất được quản lý bởi các công ty lâm nghiệp còn có một số điểm chưa thống nhất. Điều này có thể là do các phương pháp thống kê và thời điểm thống kê khác nhau. Theo tác giả Vũ Mạnh Hùng cả nước hiện có 169 công ty lâm nghiệp với tổng diện tích 1,42 triệu ha hiện đang quản lý bởi 35 đầu mối, bao gồm một số tổng công ty Nhà nước như Tổng công ty Lâm nghiệp (VINAFOR), Tổng Công ty Giấy.¹⁵ Theo tác giả Nguyễn Hồng Sơn, hiện Việt Nam có 136 công ty lâm nghiệp¹⁶, với diện tích các công ty lâm nghiệp hiện đang được giao quản lý khoảng gần 1,6 triệu ha, trong đó bao gồm RSX, RPH và đất

¹⁵ Vũ Mạnh Hùng, 2024. Thực trạng và giải pháp sắp xếp, đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả của công ty lâm nghiệp theo tinh thần của Nghị quyết 30-NQ/TW, ngày 12/3/2014 của Bộ Chính trị. Báo cáo tham luận tại Hội thảo Hiệu quả hoạt động và quản lý, sử dụng đất đai trong các công ty lâm nghiệp do Bộ Nông nghiệp và PTNT và Hội Khoa học Kinh tế NNTN tổ chức tại Hà Nội Tháng 4 năm 2024.

¹⁶ Con số này thấp hơn so với con số của tác giả Vũ Mạnh Hùng, có thể là bởi các công ty trực thuộc cùng một công ty là tổng công ty không được tính riêng rẽ mà chỉ tính là 1 công ty (trong khi con số của tác giả Vũ Mạnh Hùng tách riêng từng công ty).

trồng (Hình 3). Phần diện tích RTN, bao gồm cả các diện tích RPH là lớn nhất (khoảng 1 triệu ha, so với con số gần 0,35 triệu ha rừng trồng). Diện tích đất trống nằm trong các công ty lâm nghiệp cũng tương đối lớn, khoảng gần 150.000 ha¹⁷

Hình 3. Diện tích các loại rừng/đất của các công ty lâm nghiệp theo loại rừng (ha)



Nguồn: Nguyễn Hồng Sơn, 2024.

Trong Quý 1 năm 2025 Cục Lâm nghiệp (nay là Cục Lâm nghiệp và Kiểm lâm, LN-KL) và Hội Khoa học Kinh tế Nông nghiệp và PTNT (Hội) thực hiện khảo sát về hiện trạng đất đai của các công ty lâm nghiệp. Tổng số có 69 công ty trả lời khảo sát. Một số số liệu về các diện tích rừng của các công ty này được thể hiện qua Bảng 1,2,3 và 4 dưới đây.

Bảng 1. Diện tích đất tại 69 công ty LN theo loại rừng (ha)			Bảng 2. Diện tích đất rừng sản xuất tại 69 công ty LN (ha)		
Loại	ha		RSX	613,249	
RSX	613,249		Rừng trồng	145,490	
RPH	112,557		RTN	297,018	
RDD	18,359		Đất trống	170,741	
Đất trống	181,849				
Tổng DT	926,014				
Bảng 3. Diện tích rừng phòng hộ tại 69 công ty LN (ha)			Bảng 4. Diện tích rừng đặc dụng tại 69 công ty LN (ha)		

¹⁷ Nguyễn Hồng Sơn. Báo cáo chuyên đề về tình hình quản lý, sử dụng đất, rừng trong các công ty lâm nghiệp thực hiện sắp xếp, đổi mới theo Nghị định số 118/2024/NĐ-CP. Báo cáo tại Hội thảo Giải pháp đẩy mạnh sắp xếp, đổi mới, nâng cao hiệu quả hoạt động và quản lý, sử dụng đất đai trong các công ty lâm nghiệp, do Bộ Nông nghiệp và PTNT và Hội Khoa học Kinh tế NNTN tổ chức tại Hà Nội Tháng 4 năm 2024.

RPH	112,557		RDD	18,359	
Rừng trồng	16,049		Rừng trồng	1,128	
RTN	86,118		RTN	16,513	
Đất trống	10,390		Đất trống	718	

Nguồn: Khảo sát của Cục LN – KL và Hội, Quý 1 năm 2025.

Số liệu điều tra của 69 công ty này cho thấy một số điểm quan trọng sau:

- Diện tích bình quân mỗi công ty quản lý tương đối lớn (13.420 ha)
- Hầu hết các công ty đều có các loại rừng khác nhau, bao gồm cả RSX và RPH. Một số công ty còn có một số diện tích RDD. Khoảng 66% diện tích của các công ty là RSX, bao gồm rừng tự nhiên (48% trong tổng diện tích RSX giao cho công ty) và rừng trồng (24%). Diện tích còn lại của RSX là các diện tích đất trống.
- Diện tích RPH và đất trống các công ty đang quản lý tương đối lớn, lần lượt tương đương với 12% và 20% trong tổng diện tích giao cho các công ty.
- Các công ty ở khu vực Miền Trung và Tây Nguyên có các diện tích rừng tự nhiên rất lớn, diện tích rừng trồng rất nhỏ. Điều này có nghĩa các công ty này chủ yếu tập trung vào hoạt động bảo vệ rừng tự nhiên; các hoạt động sản xuất kinh doanh từ đất rừng/rừng hạn chế. Ngược lại, các công ty khu vực phía Bắc có các diện tích rừng trồng là rừng sản xuất lớn; điều này phản ánh các hoạt động kinh tế trong việc sử dụng đất rừng tại các công ty này.

3.2. Sử dụng đất và bảo vệ rừng tại các công ty lâm nghiệp.

Số liệu của Cục LN – KL cho thấy các công ty lâm nghiệp hiện đang tự tổ chức sản xuất khoảng 1,14 triệu ha, chiếm khoảng 72% tổng diện tích đất/rừng đã được giao cho các công ty. Phần còn lại (28%) được các công ty khoán cho các hộ và các hình thức khác như liên doanh liên kết...

Báo cáo của các cơ quan quản lý như Cục LN-KL, Ban Kinh tế Trung Ương (nay là Ban Chính sách Chiến lược Trung Ương), Bộ NN và MT cho thấy phần lớn các diện tích đất và rừng của các công ty lâm nghiệp đang được quản lý và sử dụng tương đối hiệu quả. Tuy nhiên, hiện vẫn còn một số tồn tại. Phần dưới đây tập trung vào một số tồn tại này.

Khoán sử dụng đất tại các công ty lâm nghiệp

Hiện tổng số diện tích các công ty lâm nghiệp khoán cho các hộ gia đình là trên 458.000 ha, với nhiều hình thức khoán đang được áp dụng (Bảng 5), trong đó các diện tích khoán bảo vệ rừng là phổ biến nhất, với các diện tích khoán theo hình thức này chiếm tới 66% trong tổng diện tích khoán của các công ty.

Bảng 5. Diện tích khoán trong các công ty lâm nghiệp theo hình thức khoán (ha)¹⁸

Phân loại Công ty lâm nghiệp	Tổng diện tích khoán	Các hình thức khoán				
		Khoán lâu dài theo NĐ 01/CP	Khoán chu kỳ cây trồng	Khoán công đoạn	Khoán bảo vệ rừng	Khoán trắng
Cả nước	458.059	24.631	122.110	5.651	304.034	1.633
Thuộc Trung ương	46.500	11.716	26.317		8.467	
Thuộc địa phương	411.559	12.914	95.793	5.651	295.567	1.633
Chia theo loại hình:						
Công ty công ích	321.191	4.229	26.539	5.240	284.938	246
Công ty cổ phần	98.044	12.691	76.689	196	8.467	
Công ty 2 TV	31.309	6.933	14.258	163	9.955	
Ban quản lý rừng	4.478		4.624	52		
Giải thể	3.037	776			674	1.387

Nguồn: Cục Lâm nghiệp, 2024

Nghị định 168/2016/NĐ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ Quy định về khoán rừng, vườn cây và mặt nước trong các ban quản lý rừng đặc dụng, rừng phòng hộ và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên nông, lâm nghiệp Nhà nước là nghị định mới nhất quy định việc khoán rừng và đất cho hộ.¹⁹ Nghị định quy định đối tượng nhận khoán là các hộ gia đình có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, với các hình thức khoán bao gồm khoán theo công việc, công đoạn, hoặc khoán ổn định (theo chu kỳ cây, chu kỳ sản xuất kinh doanh).

Điều 10 của Nghị định đưa ra các hướng dẫn về điều khoản chuyển tiếp, trong đó nêu rõ “Các Ban quản lý rừng đặc dụng, rừng phòng hộ và các Công ty nông, lâm nghiệp căn cứ vào các quy định khoán tại Nghị định này, tổ chức rà soát, phân loại đối tượng khoán, nội

¹⁸ Cục Lâm nghiệp. Báo cáo tham luận Thực trạng về tổ chức sản xuất trong các công ty lâm nghiệp hiện nay. Báo cáo tại Hội thảo khoa học Quốc gia “Giải pháp đẩy mạnh sắp xếp, đổi mới, nâng cao hiệu quả hoạt động và quản lý, sử dụng đất đai trong các công ty lâm nghiệp do Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn và Hội Khoa học Kinh tế Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn tổ chức tại Hà Nội ngày 4/10/2024 tại Hà Nội. Thông tin chi tiết tham khảo tại: [Hội thảo: Giải pháp đẩy mạnh sắp xếp, đổi mới, nâng cao hiệu quả hoạt động và quản lý sử dụng đất đai trong các công ty lâm nghiệp – Quản trị Tài nguyên](#)

¹⁹ Thông tin chi tiết về Nghị định xem tại: [Nghị định 168/2016/NĐ-CP khoán rừng vườn cây diện tích mặt nước ban quản lý rừng đặc dụng phòng hộ mới nhất.](#)

đúng khoán thực hiện khoán theo quy định tại Nghị định số 01/CP ngày 04 tháng 01 năm 1995 và Nghị định số 135/2005/NĐ-CP ngày 08 tháng 11 năm 2005 và giải quyết, xử lý hoàn thành trước ngày 31 tháng 12 năm 2017, cụ thể (1) Trường hợp bên nhận khoán thực hiện đúng hợp đồng khoán, sử dụng đúng mục đích, đúng đối tượng thì được tiếp tục nhận khoán đến hết thời hạn theo hợp đồng đã ký; (2) Trường hợp bên nhận khoán thực hiện không đúng hợp đồng khoán, sử dụng diện tích được nhận khoán sai mục đích, diện tích khoán bị chuyển nhượng trái pháp Luật, thì bên khoán thanh lý hợp đồng khoán và tổ chức thu hồi diện tích khoán.”

Tuy nhiên thực tế cho thấy điều khoản chuyển tiếp trên không được thực hiện ở nhiều nơi. Lý do là bởi các hình thức khoán theo Nghị định 01/CP hoặc Nghị định 135 cho phép các hộ đầu tư dài hạn vào đất đai, bao gồm cả các công trình hạ tầng (ví dụ xây sân phơi, bể nước, hệ thống tưới); nhiều hộ trồng cây ăn quả, cây công nghiệp dài ngày. Nghị định 168 không hướng dẫn hình thức thanh lý đối với các tài sản này của hộ. Kết quả là một số hợp đồng khoán được ký kết hộ, bao gồm cả các hợp đồng đã hết hạn kéo, dài cho tới hiện tại. Hộp 1 cung cấp một số thông tin về các hình thức khoán được thực hiện từ những năm 1990 tới nay.

Hộp 1. Các chính sách quy định việc đất và rừng tại các công lâm nghiệp

Chương trình trồng rừng bằng nguồn vốn tài trợ của Chương trình Lương thực Thế giới (Chương trình PAM). Thực hiện trong giai đoạn 1992-1996. Nhà nước giao đất cho các hộ gia đình để trồng rừng, với nguồn vốn hỗ trợ từ Chương trình PAM. Đối với nguồn đất được quy hoạch là rừng phòng hộ hoặc đặc dụng, hộ trồng rừng bằng nguồn vốn PAM và được giao khoán bảo vệ lâu dài. Đối với nguồn đất được quy hoạch là rừng sản xuất, hộ hoàn toàn sở hữu đối với rừng do mình trồng. Thời hạn giao đất cho hộ là 50 năm với đất rừng là đất sản xuất. Hộ nhận quyết định giao đất từ UBND huyện.

Chương trình 327-CT ngày 15/9/1992 của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng về một số chủ trương, chính sách sử dụng đất trống, đồi núi trọc... Chương trình có mục tiêu trồng rừng, phủ xanh đất trống đồi trọc, kết hợp với xóa đói giảm nghèo, định canh định cư. Thực hiện chương trình, các hộ được giao hoặc khoán một số diện tích đất dựa trên lao động của hộ để trồng rừng, hoặc quản lý bảo vệ. Đất rừng sản xuất được giao cho các hộ trong vòng 50 năm. Các diện tích rừng được giao cho cộng đồng thôn bản để bảo vệ. Chương trình được thực hiện trong giai đoạn 1992-1998. Khi Chương trình 327 kết thúc Chính phủ tiếp tục thực hiện Chương trình 661 trồng mới 5 triệu ha rừng theo [Quyết định 661/QĐ-TTg ngày 29/07/1998 của Chính phủ](#). Chương trình 661 tập trung vào việc trồng 2 triệu ha rừng phòng hộ, đặc dụng và 3 triệu ha rừng sản xuất. Nhiều hình thức giao đất, cho thuê đất đã được thực hiện trong Chương trình.

Nghị định 01-CP ngày 4 tháng 1 năm 1995 của Chính phủ ban hành quy định về việc giao khoán đất sử dụng vào mục đích sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản trong các doanh nghiệp Nhà nước. Nghị định quy định bên giao khoán là các nông lâm trường và bên nhận là các hộ gia đình, cá nhân cư trú tại địa phương, công nhân viên nông lâm trường. Các diện tích đất khoán là đất do các nông lâm trường quản lý, thuộc rừng phòng hộ, đặc dụng, sản xuất, đất trống quy hoạch trồng rừng. Thời hạn khoán là 50 năm. Các hộ nhận khoán được chủ động sản xuất trên đất, được nuôi trồng xen, được làm lán tạm bảo vệ, làm sân phơi, đào giếng, bể chứa, kênh dẫn nước. Theo Nghị định, kết chu kỳ kinh doanh của vườn cây mà thời hạn giao khoán vẫn còn thì Bên nhận khoán được tiếp tục sử dụng.

Nghị định 135/2005/NĐ-CP ngày 08/11/2005 của Chính phủ quy định về việc giao khoán đất nông nghiệp, đất rừng sản xuất... trong các nông trường, lâm trường quốc doanh. Tập trung vào rừng và đất rừng sản xuất, Nghị định quy định hình thức khoán là theo chu kỳ cây hoặc chu kỳ kinh doanh, hoặc khoán theo công đoạn. Nghị định cũng cho phép người nhận khoán được làm lán tạm thời, nuôi, trồng xen cây phụ trợ dưới tán cây trồng chính, làm sân phơi, bể chứa, kênh dẫn nước...